

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 300/2020/DS-PT
Ngày 03 - 11 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng
ủy quyền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2020/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại - Xây dựng H;

Trụ sở tại: Ấp X, xã Y, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Q, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 190/2, đường K, Phường 4, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1, nguyên đơn Công ty TNHH MTV TM - XD H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/5/2019, Công ty TNHH MTV Thương mại - Xây dựng H (Công ty H) có ký hợp đồng khoán việc không hủy ngang với ông Nguyễn Hoàng T1 với các nội dung: giao cho ông T1 làm đại diện cho công ty tham gia thu xếp, đấu giá, thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký quyền khai thác cát san lấp mặt bằng tại huyện B1, tỉnh Bến Tre gồm 02 mỏ cát: An Đức -An Hòa Tây và An Hiệp - An Ngãi Tây. Thù lao công ty trả cho ông T1 là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, ông T1 cam kết đàm phán và đấu giá thành công cho Công ty H một trong hai mỏ cát trên, công ty đã tạm ứng cho ông T1 đợt 1 là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng vào ngày 13/5/2019, ngoài ra hai bên còn thỏa thuận những điều khoản khác về nghĩa vụ của các bên. Sau khi ký hợp đồng xong, công ty đã cung cấp đầy đủ hồ sơ cho ông T1 nhưng ông T1 không thực hiện bất cứ công việc nào trong hợp đồng mà dùng tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 01/01/2020, Công ty H phát hiện việc đấu thầu 02 mỏ cát trên đã xong và người trúng thầu không phải là công ty, do đó công ty mời ông T1 làm việc, ông T1 thừa nhận đã lừa dối công ty để lấy tiền và cam kết trong vòng 05 ngày sẽ trả lại cho công ty nhưng ông T1 không thực hiện, mà còn gửi cho công ty thông báo vi phạm với nội dung Công ty H không đủ điều kiện và năng lực tài chính để ông T1 thực hiện thủ tục đăng ký tham gia đấu thầu. Trong suốt quá trình ký hợp đồng đến nay, công ty chưa nhận bất kỳ thông báo nào của ông T1 về việc khó khăn trong quá trình hoàn thành hồ sơ đấu thầu đối với 02 mỏ cát nêu trên.

Việc ông T1 ký hợp đồng, đã nhận tiền nhưng không thực hiện công việc được giao mà dùng tiền tiêu xài cá nhân là vi phạm thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi công ty. Vì vậy, công ty H yêu cầu thanh lý hợp đồng với ông T1, buộc ông T1 có nghĩa vụ trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng và tính lãi 0,83%/tháng từ ngày khởi kiện là ngày 14/01/2020 đến nay xét xử sơ thẩm, công ty không đồng ý yêu cầu phản tố của ông T1.

Theo đơn phản tố, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1 trình bày:

Ông và Công ty H do ông Lê Văn T làm Giám đốc có ký kết hợp đồng khoán việc không hủy ngang, trong hợp đồng này có ghi rõ điều kiện thực hiện hợp đồng và quyền lợi ông được nhận. Ông đã nhận tạm ứng 50% với số tiền 1.500.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện, ông có yêu cầu công ty bổ sung các hồ sơ về năng lực công ty như: hồ sơ năng lực tài chính, máy móc thiết bị, khả năng tài chính,

giấy ủy quyền,... nhưng công ty không thực hiện theo yêu cầu của ông, vì vậy ông không thực hiện các công việc đã ký kết. Do đó, sau khi có kết quả đấu giá, ông làm thông báo cho công ty về việc công ty đã vi phạm hợp đồng, sau đó công ty khởi kiện ông. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty H và yêu cầu công ty phải trả tiếp cho ông số tiền 1.500.000.000 đồng là 50% giá trị còn lại của hợp đồng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng các Điều 562, 565 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV XD-TM H đối với ông Nguyễn Hoàng T1.

Thanh lý hợp đồng khoán việc ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa Công ty TNHH MTV XD - TM H đối với ông Nguyễn Hoàng T1.

Buộc ông Nguyễn Hoàng T1 có trách nhiệm trả cho Công ty H số tiền 1.591.715.000 (Một tỷ, năm trăm chín mươi một triệu, bảy trăm mười lăm ngàn) đồng.

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoàng T1 về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV XD - TM H trả cho ông số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ, năm trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/9/2020, nguyên đơn Công ty H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với lý do Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi với mức lãi 0,83%/tháng là quá thấp, chưa tương xứng với khoản lãi theo quy định của pháp luật, đề nghị tính lãi theo mức 1,66%/tháng đối với số tiền gốc 1.500.000.000 đồng.

Ngày 09/9/2020, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do Công ty H đã vi phạm hợp đồng khoán việc là không bàn giao hồ sơ công ty theo yêu cầu và không cung cấp hồ sơ chứng minh công ty có đủ điều kiện để tham gia đấu giá dẫn đến ông T1 không thể thực hiện được công việc, Tòa án sơ thẩm cho rằng công ty không cần phải chứng minh công ty có đủ điều kiện khi tham gia ký kết hợp đồng mà quyết định thanh lý hợp đồng là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty H xin rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý cho nguyên đơn rút yêu cầu khởi

kiện, yêu cầu Tòa phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, với lý do nguyên đơn vi phạm hợp đồng khoán việc không hủy ngang nhưng Tòa sơ thẩm cho rằng nguyên đơn có quyền không cung cấp hồ sơ đấu giá và tuyên thanh lý hợp đồng là không đúng, do nguyên đơn vi phạm hợp đồng nên buộc bị đơn phải trả tiếp cho ông T1 số tiền 1.500.000.000 đồng theo hợp đồng khoán việc.

Quan điểm của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút đơn khởi kiện và rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy, việc rút đơn kháng cáo của phía nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn. Nhưng phía bị đơn không chấp nhận việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ông T1 thừa nhận có nhận 1.500.000.000 đồng từ Công ty H vào ngày 13/5/2019, điều đó chứng tỏ công ty đã giao thủ tục hồ sơ pháp lý cho ông T1 rồi nên các bên mới thực hiện việc giao nhận 50% số tiền theo hợp đồng, đồng thời ông T1 có nhận tiền ký quỹ là 960.000.000 đồng thông qua ông Lượm để ký quỹ tham gia đấu giá. Theo quy định thì hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá mới nhận tiền ký quỹ, và theo xác nhận của Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Bến Tre thì trong thời gian bán hồ sơ Công ty H không có giới thiệu người đến mua hồ sơ, chứng tỏ ông T1 đã không thực hiện bất kỳ công việc nào theo hợp đồng đã ký kết nhưng vẫn nhận tiền từ công ty. Ông T1 chưa thực hiện hợp đồng nhưng không thông báo nào cho công ty trước khi tiến hành đấu giá, ông T1 gửi thông báo không thực hiện được các công việc theo hợp đồng do lỗi của công ty sau khi có kết quả đấu giá là không có cơ sở. Ông T1 đã nhận tiền nhưng không thực hiện công việc theo thỏa thuận, hợp đồng không thể thực hiện được nữa nên công ty yêu cầu thanh lý hợp đồng, yêu cầu ông T1 trả 1.500.000.000 đồng là có căn cứ, phản tố của ông T1 yêu cầu công ty tiếp tục trả cho ông 1.500.000.000 đồng là không có cơ sở.

Về yêu cầu tính lãi, khi ký kết hợp đồng, các bên chấp nhận nếu đạt được mục đích thì có thù lao, không đạt được thì không có thù lao, hợp đồng không có điều khoản bồi thường thiệt hại khi công ty không đạt được mục đích trúng thầu. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông T1 phải trả lãi tính từ thời điểm công ty khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản thù lao đã nhận là chưa chính xác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS năm 2015, chấp

nhận một phần kháng cáo của bị đơn theo hướng không tính lãi đối với ông T1 mà chỉ buộc ông T1 trả số tiền 1.500.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả các bên đương sự tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2020, nguyên đơn Công ty H khởi kiện về việc đòi lại tài sản, theo đó Công ty H yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T1 trả lại cho công ty số tiền 1.500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm. Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/8/2020, nguyên đơn yêu cầu giải quyết thanh lý hợp đồng khoán việc không hủy ngang số 08.5 HĐKV/2019 ngày 08/5/2019 giữa Công ty H và ông Nguyễn Hoàng T1. Ngày 30/5/2020, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1 có đơn phản tố đề ngày 30/5/2020, yêu cầu bác bỏ nội dung khởi kiện của Công ty H, buộc Công ty H bồi thường cho ông T1 1.500.000.000 đồng do công ty đã vi phạm hợp đồng do công ty không thực hiện bàn giao hồ sơ như đã cam kết và không đủ khả năng tài chính để đăng ký tham gia đấu thầu. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp hợp đồng ủy quyền là phù hợp với quy định tại Điều 562 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Các bên tranh chấp chủ yếu tại Điều 4 của hợp đồng, nguyên đơn cho rằng đã thực hiện đầy đủ các công việc tại Điều 4, bị đơn cho rằng nguyên đơn chưa thực hiện mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần, lời trình bày này của các bên đều không có chứng cứ chứng minh.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ngày 08/5/2019 Công ty H và ông T1 ký kết hợp đồng khoán việc không hủy ngang, ngày 13/5/2019 ông T1 nhận của Công ty số tiền 1.500.000.000 đồng (50% giá trị hợp đồng), ngày 20/11/2019 ông T1 nhận 960.000.000 đồng tiền ký quỹ, ngày 31/12/2019 ông T1 chuyển trả cho ông T tiền ký quỹ với lý do Công ty không nộp đầy đủ hồ sơ cho ông mà chỉ nộp tiền ký quỹ nên ông không thể nộp tiền ký quỹ đấu giá, sau khi có kết quả đấu giá ông T1 trả tiền lại cho công ty. Phía ông T1 thừa nhận đã nhận của Công ty H số tiền trên, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại Văn bản số 940/STNMT-KHTC ngày 16/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc cung cấp thông tin liên quan đến việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản hai mỏ cát An Đức - An Hòa Tây và An Hiệp - An Ngãi Tây thì hồ sơ bán đấu giá trong giờ làm việc từ ngày ngày 30/10/2019 đến ngày 29/11/2019, thời gian xét chọn hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá từ ngày

01 - 10/12/2019, thời gian tổ chức phiên đấu giá là ngày 25/12/2019, trong thời gian bán hồ sơ đấu giá thì Công ty H không có giới thiệu người đến mua hồ sơ, như vậy không có khả năng để tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký kết.

[4] Ông T1 đã nhận 1.500.000.000 đồng (50% giá trị hợp đồng) và tiền ký quỹ 960.000.000 đồng, nhưng ông T1 không có chứng cứ nào chứng minh ông đã thực hiện các công việc cho công ty theo hợp đồng đã ký kết. Ông T1 phản tố cho rằng, công ty không cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu và không đủ năng lực tài chính để tham gia đấu giá nên không thể thực hiện công việc và ông đã nhắc nhở nhiều lần nhưng công ty không thực hiện, tuy nhiên ông T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông đã nhắc nhở nhưng công ty không thực hiện, lời trình bày này của ông T1 cũng không được phía công ty thừa nhận. Đồng thời, căn cứ vào chứng cứ ông T1 chuyển trả tiền ký quỹ là ngày 31/12/2019 là sau khi đã có kết quả đấu giá, các Thông báo vi phạm thỏa thuận lần 1 là ngày 06/01/2020 và lần 2 là ngày 10/02/2020, lúc này việc đấu giá hai mỏ cát đã kết thúc, nên thông báo của ông T1 là không có cơ sở xem xét.

Do Điều 3 và Điều 4 của hợp đồng không rõ ràng và số tiền đã giao nhận không kèm theo các tài liệu chứng minh, cũng như ông T1 cũng không có tài liệu nào chứng minh đã thông báo cho công ty biết để bổ sung hồ sơ, do đó hai bên cùng có lỗi, theo quy định giao dịch dân sự hai bên cùng có lỗi thì hai bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, đồng thời theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng cũng không có ràng buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại của hai bên nếu mục đích của hợp đồng không đạt được. Do mục đích của hợp đồng không thực hiện được, ông T1 đã nhận số tiền 1.500.000.000 đồng từ Công ty H nhưng không thực hiện công việc như đã thỏa thuận thì phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền đã nhận.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty H đối với số tiền 1.500.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 14/01/2020 đến ngày 26/8/2020:

Đây là hợp đồng thực hiện việc ủy quyền, không phải là hợp đồng vay tài sản, hợp đồng cũng không có điều khoản bồi thường thiệt hại khi công ty không đạt được mục đích trúng thầu. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông T1 phải trả lãi tính từ thời điểm công ty khởi kiện là ngày 14/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 26/8/2020 với mức lãi suất 0,83%/tháng đối với khoản thù lao đã nhận là chưa phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ điều chỉnh phần lãi suất không nằm trọng tâm đơn kháng cáo của ông T1, theo hướng không tính lãi đối với ông T1 mà chỉ buộc ông T1 trả số tiền 1.500.000.000 đồng. Do đó yêu cầu phản tố và kháng cáo của ông T1 là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút đơn kháng cáo về yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 1.500.000.000 đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đình chỉ kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, điều chỉnh một phần bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện nguyên đơn được chấp nhận một phần nên ông T1 phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền 1.500.000.000 đồng là 57.000.000 đồng, Công ty H phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 4.585.750 đồng. Do yêu cầu phản tố của ông T1 không được chấp nhận, nên ông T1 phải chịu số tiền án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 57.000.000 đồng. Tổng cộng bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 114.000.000 đồng. Công ty H phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 4.585.750 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do nguyên đơn rút kháng cáo tại phiên tòa nên nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000 đồng. Do kháng cáo bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại - Xây dựng H.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hoàng T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre, có điều chỉnh theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

Áp dụng các Điều 562, 565 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại - Xây dựng H.

Thanh lý hợp đồng khoán việc ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại - Xây dựng H đối với ông Nguyễn Hoàng T1.

Buộc ông Nguyễn Hoàng T1 có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại - Xây dựng H số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoàng T1 về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại - Xây dựng H trả cho ông T1 số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Hoàng T1 phải chịu án phí có giá ngạch là 114.000.000 (Một trăm mười bốn triệu) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp là 28.500.000 đồng theo biên lai thu số 0011877 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông Nguyễn Hoàng T1 còn phải nộp số tiền án phí là 85.500.000 (Tám mươi lăm triệu, năm trăm ngàn) đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại - Xây dựng H phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 4.585.750 (Bốn triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty H đã nộp là 28.500.000 đồng theo biên lai thu số 008821 ngày 07/02/2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012033 ngày 13/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B hoàn trả cho Công ty H số tiền 24.214.000 đồng (Hai mươi bốn, hai trăm mười bốn ngàn) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng T1 phải chịu số tiền án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số 0003385 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại - Xây dựng H phải chịu số tiền án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số 0003376 ngày 11/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng